

kinh tế — kỹ thuật xuyên suốt các thành phần kinh tế, kết hợp chặt chẽ với quản lý theo lãnh thổ theo nghị định số 196-HĐBT ngày 11-12-1989 của Hội đồng Bộ trưởng.

Các Bộ quản lý ngành phải phân công một đồng chí lãnh đạo Bộ và cán bộ trực tiếp phụ trách đối với các thành phần ngoài quốc doanh; định kỳ sơ kết, tổng kết tình hình quản lý và phát triển kinh tế ngoài quốc doanh thuộc phạm vi mình phụ trách.

9 — Các hợp tác xã công nghiệp phải thực hiện nghiêm chỉnh Pháp lệnh kế toán — thống kê và quản lý nội bộ hợp tác xã theo pháp luật. Bộ Tài chính sớm tổ chức các hệ thống dịch vụ kế toán, kiểm toán, và quy định, hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các Pháp lệnh và Luật thuế đối với khu vực kinh tế này.

Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương cần xử lý kịp thời các hợp tác xã phá sản, khê đọng nợ và các hoạt động bất chính như tùy tiện bán nhà, đất, tài sản chung, làm hàng giả, hàng không bảo đảm phẩm chất, trốn thuế, lậu thuế và những biểu hiện tiêu cực khác gây thiệt hại kinh tế cho xã viên, cho tập thể hợp tác xã và cho Nhà nước.

10 — Hội đồng Trung ương các hợp tác xã công nghiệp Việt Nam là tổ chức đại diện cho kinh tế tập thể về công nghiệp, được thành lập theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi đối với mọi thành viên tham gia. Hội đồng hoạt động theo điều lệ và được Nhà nước công nhận. Hội đồng trung ương các hợp tác xã công nghiệp Việt Nam không làm chức năng quản lý Nhà nước, không phải là cơ quan chủ quản cấp trên của các hợp tác xã và các đơn vị sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh.

Sau đại hội chính thức được thành lập, Hội đồng Trung ương các hợp tác xã công nghiệp Việt Nam cần nhanh chóng kiện toàn tổ chức, đi vào hoạt động có

nền nếp và phát huy vai trò tích cực của mình góp phần nhanh chóng sắp xếp, tổ chức lại nhằm phát triển kinh tế ngoài quốc doanh theo yêu cầu của cơ chế quản lý mới.

11 — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Trung ương các hợp tác xã công nghiệp Việt Nam và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Chỉ thị này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

CÁC BỘ

BỘ THƯƠNG NGHIỆP

THÔNG TƯ số 4-TN/PC ngày 6-5-1991 hướng dẫn thực hiện Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện thương trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 382-HĐBT ngày 5-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện thương trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sau khi đã trao đổi ý kiến với các ngành, các địa phương có liên quan và được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng thông qua (công văn số 1060-KTDN ngày 9-4-1991), Bộ Thương

nghiệp hướng dẫn cụ thể về một số điểm trong Quy chế đề thi hành thống nhất như sau:

1. Đối tượng được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:

Tất cả các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài (dưới đây gọi tắt là Bên nước ngoài) có quan hệ với các tổ chức kinh tế, thương mại Việt Nam về các lĩnh vực:

— Kinh doanh xuất, nhập khẩu hàng hóa;

— Đầu tư;

— Ngân hàng, tài chính;

— Giao thông vận tải và bưu điện;

— Hợp tác khoa học kỹ thuật;

— Du lịch và dịch vụ

nhằm thực hiện các mục đích kinh tế thuộc phạm vi hoạt động và đủ điều kiện quy định tại Quy chế, đều có thể đề nghị xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện thường trú tại Việt Nam.

2. Điều kiện để được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:

a) Đối với Bên nước ngoài, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất, nhập khẩu hàng hóa:

— Đã có quan hệ thương mại với các tổ chức kinh tế Việt Nam được quyền trực tiếp xuất, nhập khẩu trong thời gian không dưới 2 năm;

— Nhập khẩu hàng của Việt Nam không dưới 2 triệu đôla/năm, trong đó đặc biệt ưu tiên xét cấp giấy phép đối với bên nước ngoài nhập khẩu các loại hàng mà Việt Nam khuyến khích xuất khẩu.

— Trong một số trường hợp đặc biệt, tuy chưa đủ 2 điều kiện trên, nhưng nếu bên nước ngoài có các căn cứ xác đáng bảo đảm khả năng cũng như triển vọng trong quan hệ mua bán hàng hóa lâu dài với Việt Nam thì cũng được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện.

b) Đối với Bên nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực đầu tư:

— Có yêu cầu xúc tiến xây dựng các dự án đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam mà phần vốn pháp định Bên nước ngoài góp vào không dưới 2 triệu đôla, trong đó, ưu tiên xét cấp giấy phép đối với Bên nước ngoài muốn đặt Văn phòng đại diện để xúc tiến xây dựng các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư và hoặc có ý nghĩa đối với nền kinh tế quốc dân và được cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực dự kiến đầu tư ở Việt Nam (Bộ hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương) xác nhận và thời hạn hoạt động của Văn phòng đại diện được quy định không quá 1 năm, kể từ ngày đăng ký hợp lệ theo điểm 6 của Thông tư này.

— Có giấy phép của Ủy ban Nhà nước về hợp tác đầu tư và đã triển khai thực hiện dự án với số vốn pháp định của Bên nước ngoài góp vào không dưới 5 (năm) triệu đôla.

c) Đối với Bên nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính:

— Có yêu cầu xúc tiến các dự án hợp tác về lĩnh vực ngân hàng hoặc tài chính và được Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ Tài chính Việt Nam xác nhận hoặc;

— Có tổ chức tin dụng (kể cả chi nhánh ngân hàng) đã được Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ Tài chính Việt Nam cho phép thành lập theo pháp luật hiện hành của Việt Nam, hoặc;

— Có yêu cầu thực hiện các hợp đồng hợp tác, liên doanh về lĩnh vực ngân hàng, tài chính đã ký với các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam thuộc lĩnh vực ngân hàng, tài chính và được Ngân hàng Nhà nước hoặc Bộ Tài chính Việt Nam chấp thuận.

d) Đối với bên nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải, bưu điện và hợp tác khoa học kỹ thuật:

— Có yêu cầu xúc tiến các dự án hợp tác về lĩnh vực giao thông vận tải, bưu

diện hoặc khoa học kỹ thuật được Bộ quản lý Nhà nước về từng lĩnh vực chuyên ngành xác nhận hoặc;

— Có yêu cầu thực hiện các hợp đồng đã ký với các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam về từng lĩnh vực chuyên ngành và được Bộ quản lý Nhà nước về lĩnh vực chuyên ngành đó chấp thuận.

e) Đối với Bên nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ:

— Có yêu cầu xúc tiến các dự án hợp tác phát triển du lịch và dịch vụ, trừ dịch vụ chi trả kiều hối, dịch vụ mua gom hàng xuất khẩu và dịch vụ bán hàng nhập khẩu tại Việt Nam, và được Bộ quản lý Nhà nước về từng lĩnh vực chuyên ngành xác nhận, hoặc;

— Có yêu cầu thực hiện các hợp đồng đã ký với các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam về từng lĩnh vực và được Bộ quản lý Nhà nước về lĩnh vực đó chấp thuận.

3. Trình tự xin cấp giấy phép và cơ quan có thẩm quyền xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:

3.1 — Bên nước ngoài xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện về từng lĩnh vực chuyên ngành tại Việt Nam phải tự làm đơn theo mẫu thống nhất của Bộ Thương nghiệp (mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này) gồm 1 bản chính bằng tiếng Việt Nam và 1 bản bằng một trong 3 thứ tiếng Anh, Pháp, Nga và phải thực hiện theo đúng các quy định của điều 4 và điều 5 Quy chế.

Đơn xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện kèm theo các giấy tờ quy định tại điều 5 Quy chế trong đó, có một số giấy tờ liên quan khác bao gồm: các dự án, hợp đồng thỏa thuận đã ký hoặc sẽ ký với các tổ chức kinh tế có thẩm quyền của Việt Nam và Bản tự giới thiệu tóm tắt về Bên nước ngoài theo mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này, (dưới đây gọi tắt là Hồ sơ xin cấp giấy phép)

được gửi đến Bộ Thương nghiệp và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là Ủy ban Nhân dân tỉnh) nơi Bên nước ngoài xin đặt trụ sở Văn phòng đại diện.

3.2 — Khi nhận được hồ sơ xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện do Bên nước ngoài gửi đến:

— Bộ Thương nghiệp có văn bản hỏi ý kiến các cơ quan có liên quan về từng lĩnh vực chuyên ngành trước khi quyết định cấp hay không cấp giấy phép cho Bên nước ngoài.

— Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi Bên nước ngoài xin đặt trụ sở Văn phòng đại diện, một mặt thông báo ngay với Bộ Thương nghiệp về việc đã nhận được hồ sơ, mặt khác trên cơ sở xem xét hồ sơ do Bên nước ngoài gửi đến, Ủy ban Nhân dân tỉnh chủ động có ý kiến với Bộ Thương nghiệp trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận hồ sơ, về tình hình và triển vọng quan hệ kinh tế — thương mại của Bên nước ngoài với địa phương và khả năng cho thuê nhà, thuê công dân Việt Nam (nếu có) làm việc tại Văn phòng đại diện và các vấn đề khác có liên quan mà Ủy ban Nhân dân tỉnh quan tâm.

3.3 — Trong thời hạn không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Thương nghiệp nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bên nước ngoài được Bộ Thương nghiệp thông báo bằng văn bản về kết quả của việc xin đặt Văn phòng Đại diện.

4. Giấy phép đặt Văn phòng đại diện và việc nộp lệ phí;

4.1 — Giấy phép đặt Văn phòng đại diện (mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này), do Bộ Thương nghiệp cấp cho Bên nước ngoài có quy định rõ phạm vi hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam và chỉ có hiệu lực thực hiện kể từ ngày đăng ký hợp lệ tại Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở.

Riêng đối với Bên nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu hàng hóa, Trưởng văn phòng đại diện được ký hợp đồng mua bán ngoại thương với các tổ chức kinh tế Việt Nam được quyền trực tiếp xuất, nhập khẩu với tư cách là một bên đương sự trong hợp đồng mua bán ngoại thương theo pháp luật hiện hành của Việt Nam khi có giấy ủy quyền của Bên nước ngoài và với danh nghĩa là đại diện được ủy quyền của bên nước ngoài.

4.2 — Bên nước ngoài khi nhận giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam phải nộp 1 khoản phí theo Biểu phí do Bộ Thương nghiệp và Bộ Tài chính Việt Nam quy định.

Khoản phí nói trên là lệ phí chính thức mà Nhà nước Việt Nam thu về việc cho phép Bên nước ngoài đặt Văn phòng đại diện và hoạt động tại Việt Nam. Ngoài lệ phí chính thức đó Nhà nước Việt Nam không thu thêm một phụ phí nào khác.

4.3 — Văn phòng đại diện chỉ được thực hiện những nhiệm vụ trong phạm vi đã được quy định tại giấy phép. Mọi trường hợp Văn phòng đại diện vi phạm các quy định tại giấy phép đều bị xử lý theo điểm 3 điều 17 Quy chế.

5. Về việc thuê nhà, thuê công dân Việt Nam (nếu có) làm việc tại Văn phòng đại diện:

Việc thuê nhà, thuê công dân Việt Nam (nếu có) làm việc tại Văn phòng đại diện thực hiện theo « Quy chế cho thuê nhà, thuê lao động đối với người nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài lưu trú tại Việt Nam), ban hành kèm theo nghị định số 389-HĐBT ngày 10-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư số 3-TT/LB ngày 8-4-1991 của Liên Bộ Xây dựng — Lao động thương binh và xã hội — Nội vụ — Tài chính hướng dẫn thi hành Quy chế nói trên.

6. Về việc đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện:

6.1 — Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện, Bên nước ngoài phải giải quyết xong các thủ tục thuê nhà, thuê công dân Việt Nam (nếu có) theo đúng các quy định hiện hành của Việt Nam, đồng thời phải gửi cho Ủy ban Nhân dân tỉnh bản tóm tắt lý lịch của người đại diện trưởng, các nhân viên người nước ngoài và người Việt Nam sẽ làm việc tại Văn phòng đại diện và phải làm thủ tục đăng ký hoạt động với Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở.

6.2 — Quá thời hạn quy định trên, nếu chưa làm xong thủ tục đăng ký hoạt động, Bên nước ngoài phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban Nhân dân tỉnh biết lý do và dự kiến thời gian hoàn thành các thủ tục đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện.

6.3 — Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Bên nước ngoài nộp hồ sơ đầy đủ xin đăng ký hoạt động theo giấy phép đã cấp, Bên nước ngoài được Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện theo mẫu thống nhất của Bộ Thương nghiệp (mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư này).

6.4 — Sau khi cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng đại diện tại Việt Nam; Ủy ban Nhân dân tỉnh gửi 1 bản sao về Bộ Thương nghiệp để theo dõi việc thực hiện.

6.5 — Mọi trường hợp Văn phòng đại diện hoạt động tại Việt Nam không có giấy phép và không đăng ký đều coi là bất hợp pháp và bị xử lý theo pháp luật hiện hành của Việt Nam.

7. Về việc mở tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ tại Ngân hàng:

Văn phòng đại diện phải mở tài khoản tiền Việt Nam (có gốc ngoại tệ) và tài khoản ngoại tệ (nếu có) tại ngân hàng

Việt Nam theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chỉ được sử dụng tài khoản này phục vụ cho hoạt động hành chính của Văn phòng đại diện. Nghiêm cấm việc sử dụng tài khoản nói trên vào mục đích kinh doanh trái với giấy phép đặt Văn phòng đại diện.

8. Về việc nhập khẩu và tái xuất khẩu các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam không được hưởng quy chế ưu đãi miễn trừ ngoại giao; do đó việc nhập khẩu và tái xuất khẩu các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của Văn phòng đại diện được thực hiện theo điều 8 Nghị định số 131-HĐBT ngày 27-8-1987 của Hội đồng Bộ trưởng, cụ thể là:

Văn phòng đại diện được nhập khẩu vào Việt Nam và tái xuất khẩu khi kết thúc hoạt động tại Việt Nam ô tô và các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của Văn phòng đại diện theo danh mục định lượng tiêu chuẩn đối với cơ quan đại diện ngoại giao ban hành kèm theo Nghị định số 131-HĐBT nói trên nhưng phải nộp thuế nhập khẩu và các lệ phí khác theo quy định hiện hành của hải quan Việt Nam.

9. Về việc thay đổi, gia hạn và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện:

9.1 — Việc thay đổi tên, trụ sở Văn phòng đại diện:

Sau khi được cấp giấy phép hoặc trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, Bên nước ngoài muốn thay đổi tên Văn phòng đại diện (trong trường hợp Bên nước ngoài thay đổi tên gọi), thay đổi nơi (tỉnh, thành phố) đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh của Văn phòng đại diện hoặc muốn kéo dài thời hạn hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam, Bên nước ngoài phải báo cáo bằng văn bản với Bộ Thương nghiệp và Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi đóng trụ sở trước

30 ngày và chỉ được thay đổi tên, thay đổi nơi (tỉnh, thành phố) đặt trụ sở hoặc kéo dài thời hạn hoạt động khi có văn bản chấp nhận của Bộ Thương nghiệp.

9.2 — Việc thay đổi người đại diện trưởng và nhân viên người nước ngoài:

Sau khi đã đăng ký hoạt động hoặc trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, Bên nước ngoài muốn thay đổi người đại diện trưởng và hoặc nhân viên người nước ngoài kể cả người Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện theo số lượng quy định trong giấy phép, Bên nước ngoài phải báo cáo với Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi đóng trụ sở, và chỉ được thay đổi khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

9.3 — Việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện:

Trong các trường hợp chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện theo quy định của điều 17 quy chế. Bộ Thương nghiệp Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có văn bản thông báo cho Bên nước ngoài 30 ngày trước khi chấm dứt hoạt động.

Riêng đối với các trường hợp văn phòng đại diện vi phạm giấy phép và giấy đăng ký hoạt động, tùy theo lỗi nhẹ hoặc nặng, Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở có thể lưu ý, khiển trách, cảnh cáo, phạt tiền hoặc trục xuất người vi phạm ra khỏi Việt Nam hoặc kiến nghị Bộ Thương nghiệp ra quyết định chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

10. Về chế độ kiểm tra và báo cáo định kỳ:

10.1 — Về chế độ kiểm tra:

10.1.1 — Bộ thương nghiệp là cơ quan chịu trách nhiệm chính về mặt quản lý nhà nước đối với mọi hoạt động của Văn phòng đại diện sau khi Văn phòng đại diện đã đăng ký hợp lệ và hoạt động tại Việt Nam.

10.1.2 — Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng quản lý Nhà nước về từng lĩnh vực chuyên ngành có văn phòng đại diện Bên nước ngoài hoạt động, căn cứ theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của ngành mình, theo dõi, giám sát hoạt động của Văn phòng đại diện về lĩnh vực chuyên ngành mình phụ trách và thường xuyên trao đổi ý kiến với Bộ Thương nghiệp về các vấn đề phát sinh trong hoạt động của Văn phòng đại diện để phối hợp chỉ đạo.

10.1.3 — Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi Văn phòng hoặc chi nhánh Văn phòng đại diện đóng trụ sở là cơ quan có thẩm quyền kiểm tra các hoạt động của Văn phòng đại diện và các thành viên làm việc tại Văn phòng đại diện để có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vi phạm giấy phép và hoặc giấy đăng ký, đồng thời thông báo ngay với Bộ Thương nghiệp về tình hình cụ thể và các biện pháp xử lý đã được thực hiện đối với Văn phòng đại diện tại địa phương.

10.2 — Về chế độ báo cáo:

10.2.1 — Định kỳ 6 tháng 1 lần, Văn phòng đại diện phải gửi báo cáo bằng tiếng Việt nam và bằng một trong các thứ tiếng thông dụng (nếu xét thấy cần thiết) về Bộ Thương nghiệp và Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi đóng trụ sở về các hoạt động nghiệp vụ của mình căn cứ vào giấy phép được cấp (báo cáo 6 tháng phải gửi từ ngày 1-7 đến 5-7 và báo cáo cả năm phải gửi từ ngày 1-1 đến ngày 5-1 năm tiếp theo).

10.2.2 — Ngoài báo cáo định kỳ nói trên Bộ Thương nghiệp có quyền yêu cầu Bên nước ngoài báo cáo thêm khi cần thiết.

11. Quy định về việc thực hiện:

11.1 — Các Văn phòng đại diện đã được cấp giấy phép trước ngày ban hành Thông tư này đều phải xin đổi giấy phép cũ để lấy giấy phép mới tại

Bộ Thương nghiệp và phải đăng ký lại tại Ủy ban Nhân dân tỉnh nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở theo quy định hiện hành, trừ các giấy phép có hiệu lực đến ngày 31-12-1991.

Việc xin đổi giấy phép cũ để lấy giấy phép mới theo quy định trên do Trưởng Văn phòng Đại diện đề nghị và khi được đổi giấy phép mới, Văn phòng đại diện không phải nộp thêm một khoản phí nào khác.

Sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày ban hành Thông tư này, đối với các Văn phòng đại diện không xin đổi giấy phép và không đăng ký lại theo quy định trên, coi như Văn phòng đại diện không có nhu cầu hoạt động, Bộ Thương nghiệp sẽ quyết định chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

11.2 — Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành và thay thế Thông tư số 22-KTĐN/PC ngày 25-10-1989 của Bộ Kinh tế đối ngoại.

K.T Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp

Thứ trưởng

TẠ CÁ

TICU ĐỀ
CÔNG TY/XÍ NGHIỆP

Mẫu số 1

...ngày.....tháng.....năm 199.....

ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP ĐẶT
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN THƯỜNG TRÚ
TẠI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Kính gửi: Ngài Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Hà Nội.

Thưa ngài,

Chúng tôi trân trọng xin Ngài Bộ trưởng cho phép Công ty/ Xi nghiệp chúng tôi là:

— Tên Công ty/Xi nghiệp:

Quốc tịch:

Địa chỉ nơi đóng trụ sở chính:

— Phạm vi hoạt động chủ yếu:

— Vốn pháp định:

được đặt Văn phòng Đại diện thường trú (hoặc chi nhánh Văn phòng Đại diện thường trú) tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như sau:

— Nơi xin đặt Văn phòng Đại diện (tỉnh/thành phố): ...

— Phạm vi hoạt động của Văn phòng Đại diện: ...

.....

— Số nhân viên trong Văn phòng Đại diện: ... người,

trong đó:

+ Số người nước ngoài: ...

+ Số người tuyển dụng tại Việt Nam: ...

Họ tên người Trưởng Văn phòng Đại diện: ...

Quốc tịch:

— Thời hạn hoạt động của Văn phòng Đại diện: ... năm

— Tài sản chủ yếu của Văn phòng Đại diện: ...

Chúng tôi xin cam kết trong thời gian hoạt động tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Văn phòng Đại diện thường trú và các nhân viên của Văn phòng sẽ tuân thủ pháp luật của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hoạt động theo đúng nội dung đăng ký.

Xin gửi tới Ngài Bộ trưởng lời chào trân trọng.

Ký tên, đóng dấu
Chủ tịch/Tổng giám đốc
Công ty/Xi nghiệp

Giấy tờ kèm theo đơn:

1. Điều lệ hoạt động của Công ty/xi nghiệp hoặc tài liệu cần thiết chứng

minh sự tồn tại hợp pháp của Công ty/ Xi nghiệp, như giấy đăng ký thành lập Công ty/Xi nghiệp do cơ quan có thẩm quyền nước cư trú của Công ty/xi nghiệp cấp (bản sao chụp);

2. Giấy chứng nhận của Ngân hàng hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nước cư trú của Công ty/xi nghiệp xác định rõ vốn pháp định của Công ty/Xi nghiệp;

3. Các dự án, hợp đồng, thỏa thuận đã ký hoặc sẽ ký với các tổ chức kinh tế có thẩm quyền của Việt Nam.

4. Bản tự giới thiệu tóm tắt về Công ty/Xi nghiệp.

BỘ THƯƠNG NGHIỆP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Mẫu số 2

Số:...../GP-TTNN

Hà Nội, ngày tháng năm 19

GIẤY PHÉP

Đặt và hoạt động của Văn phòng Đại diện thường trú tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 382-HĐBT ngày 5 tháng 11 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy chế đặt và hoạt động của Văn phòng Đại diện thường trú các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Xét đơn xin cấp giấy phép đặt Văn phòng Đại diện thường trú tại Việt Nam của Công ty/xi nghiệp..

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Cho phép Công ty/xí nghiệp...

Quốc tịch: ...

Địa chỉ nơi đóng trụ sở chính: ...
được đặt Văn phòng Đại diện thường trú/Chi nhánh Văn phòng Đại diện thường trú tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với tên đầy đủ là « Văn phòng Đại diện thường trú Công ty/xí nghiệp... tại thành phố... »

Điều 2. — Phạm vi hoạt động của Văn phòng Đại diện thường trú:.....

Điều 3. — Số lượng nhân viên của Văn phòng Đại diện: ... người, trong đó:

- Số người nước ngoài: ... (..)
- Số người tuyền tại Việt Nam: ... (..)

Điều 4. — Thời hạn hoạt động của Văn phòng Đại diện thường trú là... năm kể từ ngày cấp Giấy phép này.

Điều 5. — Giấy phép này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày Văn phòng Đại diện được Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng Đại diện đóng trụ sở xác nhận đã hoàn thành thủ tục đăng ký hợp lệ.

Điều 6. — Mọi hoạt động của Văn phòng Đại diện và nhân viên của Văn phòng Đại diện tại Việt Nam phải tuân thủ theo Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 382-HĐBT ngày 5-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng và các quy định hiện hành của Luật pháp Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG NGHIỆP

Lưu ý: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép này Văn phòng Đại diện phải nộp giấy đăng ký hoạt động tại Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố...

TIÊU ĐỀ CÔNG TY/XÍ NGHIỆP Mẫu số 3

...Ngày tháng năm 19

Kính gửi: Ngài Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố...

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG

Văn phòng Đại diện thường trú Công ty/xí nghiệp... tại Việt Nam được lập theo Giấy phép số ... ngày ... của Bộ Thương nghiệp Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đăng ký hoạt động như dưới đây:

1. Trụ sở Văn phòng Đại diện:

- Số nhà ... — Đường phố ...
- Quận ... — Thành phố ...
- Điện thoại
- Telex
- Fax

2. Tổng số nhân viên: ... người, trong đó:

- Người Trưởng Văn phòng Đại diện
- Những người phó (nếu có):
- Các chức danh khác (nếu có):
- Các nhân viên:
- + Người nước ngoài:
- + Người tuyền dụng tại Việt Nam: (Ghi rõ họ tên, quốc tịch, chức danh, nhiệm vụ được giao).

3. Phạm vi hoạt động của Văn phòng Đại diện tại Việt Nam:

4. Thời gian bắt đầu hoạt động của Văn phòng Đại diện:

Văn phòng Đại diện được phép hoạt động kể từ ngày Ủy ban Nhân dân tỉnh/ thành phố ... xác nhận đã hoàn thành thủ tục đăng ký hoạt động.

Văn phòng Đại diện thường trú và các nhân viên của Văn phòng cam kết tuân thủ các quy định ghi trong Giấy phép của Bộ Thương nghiệp, Giấy đăng ký hoạt

động và các quy định hiện hành của Luật pháp Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Người đăng ký
Trưởng Văn phòng Đại diện
Ký tên, Họ và tên

Ủy ban Nhân dân tỉnh/
thành phố ... xác nhận
đã hoàn thành thủ tục
đăng ký.

Số ...

..Ngày tháng năm 19

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh/thành phố
(hoặc người được ủy quyền)
ký tên, đóng dấu

TIÊU ĐỀ CÔNG TY, XÍ NGHIỆP

Mẫu số 4

BẢN GIỚI THIỆU TÓM TẮT về công ty, xí nghiệp...

1. Tên công ty, xí nghiệp :
2. Quốc tịch :
3. Địa chỉ nơi đóng trụ sở chính :
Điện thoại : Điện tin :
Têlex : Fax :

4. Đăng ký hoạt động tại nước :
5. Giấy phép kinh doanh số ngày tháng năm
6. Lĩnh vực kinh doanh :
7. Những cổ đông chủ yếu (nếu có) :
8. Vốn pháp định :
9. Doanh số từng năm của 3 năm gần nhất :
10. Các ngân hàng có quan hệ với công ty, xí nghiệp :
11. Các nhà sản xuất, mạng lưới tiêu thụ, các công ty thương mại, xí nghiệp có quan hệ với công ty, xí nghiệp :
12. Quan hệ kinh tế, thương mại với Việt Nam :
— Bắt đầu từ :
— Lĩnh vực kinh doanh chính :
— Các công ty, xí nghiệp bạn hàng Việt Nam chủ yếu :
...
— Kim ngạch buôn bán với Việt Nam trong 3 năm gần đây :
(ghi rõ kim ngạch, mặt hàng chính của từng năm)
— Dự kiến phương hướng phát triển.

Chủ tịch/Tổng giám đốc công ty, xí nghiệp
ký tên (và đóng dấu nếu có)